TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **4597**/2024/DS-ST
Ngày: 25-09-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn

2. Bà Phan Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ Hồng D - Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1247/2024DS ngày 11/6/2024về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6057/2024/QĐXXST-DS ngày 30/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6399/2024/QĐST-DS ngày 28/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2
Trụ sở: 2 N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh
Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Nhật Kinh K, sinh năm: 1987
Địa chỉ liên lạc: B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh
(Văn bản ủy quyền số 3802/2024/UQ-TGĐ ngày 21/5/2024)

Bị đơn: ông Nguyễn Văn S1, sinh năm: 1994
Địa chỉ: 2 Đường H, khu phố L (nay là Khu phố E), phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 30/5/2024, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Nhật Kinh K là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S2) và ông Nguyễn Văn S1 có ký Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày **/**/2019 + Bản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S2 (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng sử dụng thẻ ngày **/**/2019), nội dung: Ngân hàng đồng ý cấp 02 thẻ tín dụng gồm Thẻ VS PayWave Cre Classic 472074 – 7421 và Thẻ MC Ctless Cre Classic 512341 – 1759 với hạn mức sử dụng chung là 15.000.000 đồng; Mục đích: tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ thì ông S1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 17.121.883 đồng (trong đó Thẻ VS PayWave Cre Classic 472074 – 7421 là 9.279.735 đồng và Thẻ MC Ctless Cre Classic 512341 – 1759 là 7.842.148 đồng) và đã thanh toán tổng cộng gốc, lãi, phí là 13.567.000 đồng (trong đó Thẻ VS PayWave Cre Classic 472074 – 7421 là 6.923.000 đồng và Thẻ MC Ctless Cre Classic 512341 – 1759 là 6.644.000 đồng).

Do ông S1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thời hạn dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nên ngày 23/5/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông S1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông S1 trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/7/2024 là 47.057.567ng, trong đó:

+ Thẻ VS P – 7421 là 25.649.676 đồng, gồm: Gốc 10.200.611 đồng; Lãi quá hạn 15.449.065 đồng.

+ Thẻ MC Ctless Cre Classic 512341 – 1759 là 22.407.891 đồng, gồm: Gốc 8.513.671 đồng; Lãi quá hạn 12.894.220 đồng.

Lãi tiếp tục tính từ ngày 31/7/2024 cho đến khi ông Nguyễn Văn S1 thanh toán hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S1: Dù đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có văn bản xác định tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu ông S1 phải thanh toán tính đến ngày 25/9/2024 là 48.444.320 đồng, trong đó:

+ Thẻ VS P – 7421 là 26.405.553 đồng, gồm: Gốc 10.200.611 đồng; Lãi

quá hạn 16.204.942 đồng

+ Thẻ MC Ctless Cre Classic 512341 – 1759 là 22.038.767 đồng, gồm: Gốc 8.513.671 đồng; Lãi quá hạn 13.525.096 đồng

Lãi tiếp tục tính từ ngày 26/9/2024 cho đến khi ông S1 thanh toán hết nợ. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng S2 yêu cầu ông S1 thanh toán số tiền vay còn nợ và ông S1 có địa chỉ tại Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông K là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn ông S1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông K và ông S1.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày **/**/2019 kèm bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký giữa ông Nguyễn Văn S1 và Ngân hàng S2; Bảng tóm tắt sao kê tài khoản; lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở kết luận: Việc ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng giữa ông S1 và Ngân hàng S2 là có thật, tự nguyện, phù hợp với các

quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và có giá trị pháp lý ràng buộc giữa các bên. Theo đó, Ngân hàng S2 đã cấp cho ông S1 02 thẻ tín dụng gồm Thẻ VS PayWave Cre Classic 472074 – 7421 và Thẻ MC Ctless Cre Classic 512341 – 1759 với hạn mức sử dụng chung là 15.000.000 đồng; Mục đích: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, ông S1 đã thực hiện các giao dịch từ 02 thẻ với tổng số tiền 17.121.883 đồng (trong đó Thẻ VS PayWave Cre Classic 472074 – 7421 là 9.279.735 đồng và Thẻ MC Ctless Cre Classic 512341 – 1759 là 7.842.148 đồng) và đã thanh toán tổng cộng gốc, lãi, phí là 13.567.000 đồng (trong đó Thẻ VS PayWave Cre Classic 472074 – 7421 là 6.923.000 đồng và Thẻ MC Ctless Cre Classic 512341 – 1759 là 6.644.000 đồng). Từ ngày 22/02/2021, ông S1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán nợ. Ngân hàng S2 đã chấm dứt quyền sử dụng 02 thẻ của ông S1 và chuyển toàn bộ dư nợ sang thành vốn gốc mới và tính lãi theo mức lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng từ ngày 23/5/2021.

Tòa án đã tống đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông S1 vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét, việc ông S1 không thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng S2 là vi phạm thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày **/**/2019 kèm Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và các quy định của pháp luật.

Căn cứ các điều 22, 23 và Điều 24 Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Các điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S2, buộc ông S1 thanh toán cho Ngân hàng S2 một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử (25/9/2024) là 48.444.320 đồng, trong đó:

+ Thẻ VS P – 7421 là 26.405.553 đồng, gồm: Gốc 10.200.611 đồng; Lãi quá hạn 16.204.942 đồng

+ Thẻ MC Ctless Cre Classic 512341 – 1759 là 22.038.767 đồng, gồm: Gốc 8.513.671 đồng; Lãi quá hạn 13.525.096 đồng

Lãi tiếp tục tính từ ngày 26/9/2024 cho đến khi ông S1 thanh toán hết nợ gốc.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông S1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.422.216 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng S2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2.

Ông Nguyễn Văn S1 có trách nhiệm thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 25/9/2024 là 48.444.320 (Bốn mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi) đồng, trong đó:

+ Thẻ VS P – 7421 là 26.405.553 đồng, gồm:

Gốc: 10.200.611 đồng

Lãi quá hạn: 16.204.942 đồng

+ Thẻ MC Ctless Cre Classic 512341 – 1759 là 22.038.767 đồng, gồm:

Gốc: 8.513.671 đồng

Lãi quá hạn: 13.525.096 đồng

Lãi tiếp tục tính từ ngày 26/9/2024 cho đến khi ông Nguyễn Văn S1 thanh toán hết nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày **/**/2019 kèm Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày **/**/2019 kèm Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn S1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 2.422.216 (Hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn hai trăm mười sáu) đồng, ông Nguyễn Văn S1 chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 1.093.124 (Một triệu không trăm chín mươi ba nghìn một trăm hai mươi bốn) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0027429 ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thúy Quỳnh